

BIỂU MẪU 10

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDDT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
TRẦN VĂN ƠN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông,
Học kỳ II - năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm/ Rèn luyện học kỳ II NH 2023-2024	2.025	609	500	368	548
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1.895 93,58%	570 93,60%	460 92,00%	331 89,95%	534 97,45%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	111 5,48%	31 5,09%	32 6,40%	34 9,24%	14 2,55%
3	Trung bình (K9) / Đạt (K6, 7, 8) (tỷ lệ so với tổng số)	18 0,89%	7 1,15%	8 1,60%	3 0,82%	0 0,00%
4	Yếu (K9) / Chưa đạt (K6, 7, 8) (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,05%	1 0,16%	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%
II	Số học sinh chia theo học lực/ Học tập học kỳ II NH 2023-2024	2.025	609	500	368	548
1	Giỏi (K9) / Tốt (K6, 7, 8) (tỷ lệ so với tổng số)	981 48,44%	286 46,96%	226 45,20%	135 36,68%	334 60,95%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	719 35,51%	242 39,74%	185 37,00%	148 40,22%	144 26,28%
3	Trung bình (K9) / Đạt (K6, 7, 8) (tỷ lệ so với tổng số)	290 14,32%	74 12,15%	80 16,00%	67 18,21%	69 12,59%
4	Yếu (K9) / Chưa đạt (K6, 7, 8) (tỷ lệ so với tổng số)	35 1,73%	7 1,15%	9 1,80%	18 4,89%	1 0,18%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm học 2023-2024	2.025	609	500	368	548
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	2.007 99,11%	607 99,67%	491 98,20%	361 98,10%	548 100,00%
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	185 9,14%	104 17,08%	60 12,00%	21 5,71%	0 0,00%
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	786 38,81%	180 29,56%	164 32,80%	114 30,98%	328 59,85%
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	152 7,51%	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%	152 27,74%

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	34 1,68%	7 1,15%	9 1,80%	18 4,89%	0 0,00%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	18 0,89%	2 0,33%	9 1,80%	7 1,90%	0 0,00%
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	17/21 0,45/0,55	04/05 0,44/0,56	03/07 0,3/0,7	10/07 0,59/0,41	00/02 0/1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0 0	0 0	0 0	0 0	0 0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%	0 0,00%
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp năm học 2023-2024	548	0	0	0	548
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp năm học 2023-2024	548	0	0	0	548
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	328 59,85%	0 0	0 0	0 0	328 59,85%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	152 27,74%	0 0	0 0	0 0	152 27,74%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	68 12,41%	0 0	0 0	0 0	68 12,41%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0 0	0 0	0 0	0 0	0 0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1013/1012	296/313	254/246	188/180	275/273
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	58	17	13	5	23

Quận 1, ngày 31 tháng 7 năm 2024

PHỤ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lê Thị Thanh Giang